



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG VIII/2018



HÀ NỘI, THÁNG IX/2018

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2018	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2018.....	12
1. Đối với cây lúa	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	14
VI. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IX-XI NĂM 2018.....	17
V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2018

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VIII/2018 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-0,6^{\circ}\text{C}$ đến $1,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -185mm đến 409mm . (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -113 giờ đến -10 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -10% đến 8%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VIII/2018 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

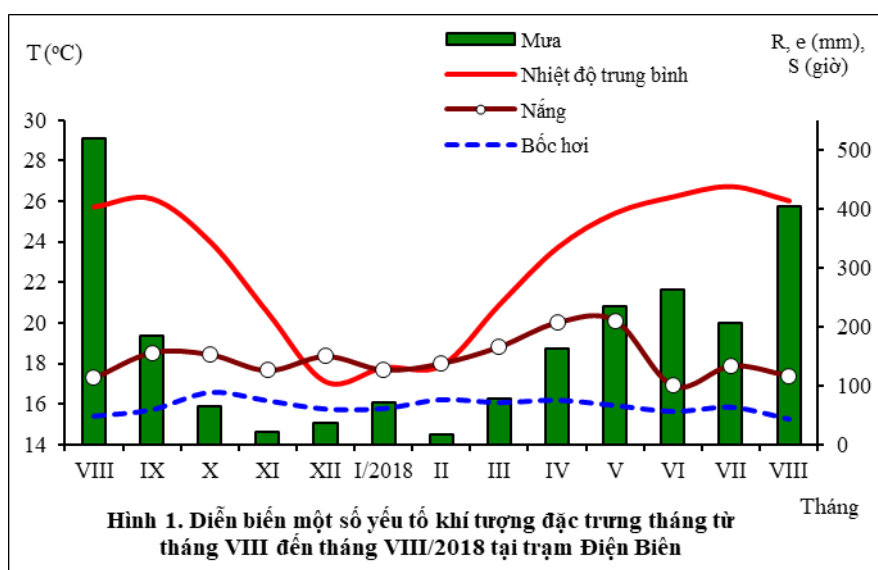
1.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,3$ đến $1,4^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $20,9^{\circ}\text{C}$ đến $28,4^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $18,8^{\circ}\text{C}$ đến $25,7^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $16,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 10/VIII tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $24,7^{\circ}\text{C}$ đến $33,1^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $37,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 11/VIII tại Kim Bôi. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2018 tại trạm Điện Biên

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2018 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ 284mm đến 647mm, cao nhất là 754mm xảy ra tại Mai Châu. Ngoại trừ khu vực Than Uyên có lượng mưa tháng thấp hơn TBNN 50mm, các khu vực khác có lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 39mm đến 409mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 47mm đến 186mm, cao nhất là 223mm xảy ra ngày 30/VIII tại Hòa Bình.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 17 đến 27 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VIII/2018 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -70 giờ đến -10 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 93 giờ đến 158 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2018 dao động từ 83% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 3%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 9/VIII tại Sông Mã.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VIII/2018 có giá trị phổ biến từ 34mm đến 122mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-712mm đến -239mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2- 6mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 2 ngày với cường độ nhẹ

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 7 đến 18 ngày

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng VIII/2018 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3⁰C đến 1,6⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 20,2⁰C đến 28,9⁰C

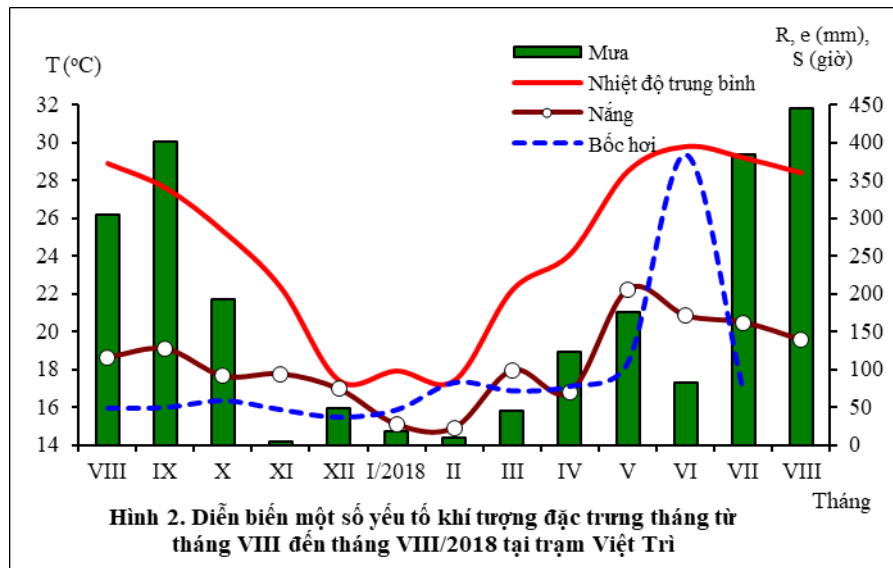
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 18,0⁰C đến 26,6⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,3⁰C xảy ra vào ngày 26/VIII tại Sapa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,3⁰C đến 34,2⁰C, nhiệt độ

không khí cao nhất là 37,5⁰C xảy ra vào ngày 14/VIII tại Lào Cai.

2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 203 mm đến 530mm; cao nhất là 669mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -120mm đến 184mm. Diễn



biến của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 43mm đến 162mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 17 – 26 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng VIII/2018 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 102 giờ đến 167 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-53 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2018 phổ biến từ 75 đến 89%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-10% đến 4%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45%, xảy ra vào ngày 13/VIII tại Lào Cai.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 41mm đến 114mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-608mm đến -219mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 6mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xảy ra ở một số nơi từ 1 – 9 ngày với cường độ nhẹ.
- Đông xảy ra ở một số khu vực từ 7 đến 25 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

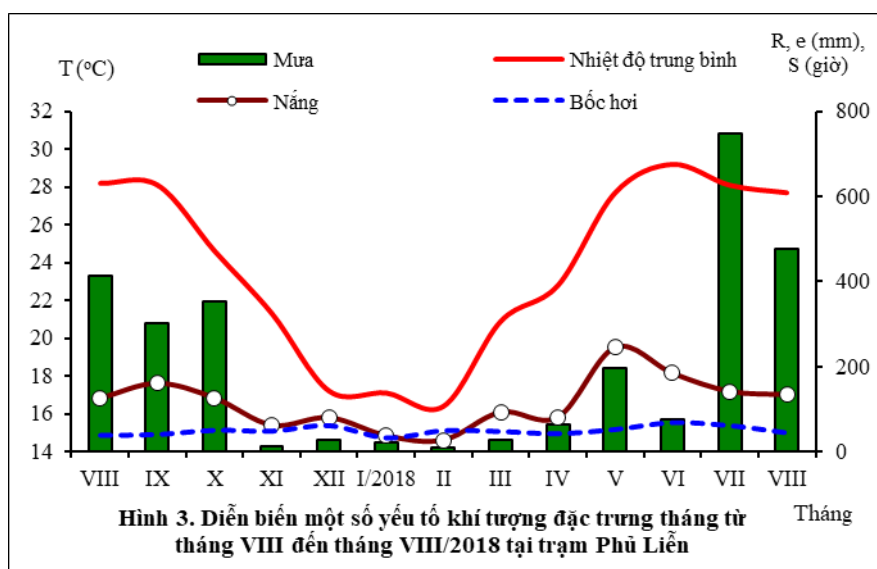
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3°C đến 0,7°C; có giá trị dao động từ 25,9°C đến 28,6°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,9°C đến 33,0°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 36,7°C xảy ra vào các ngày 11/VIII tại Lục Ngạn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 23,2°C đến 26,1°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,8°C xảy ra vào ngày 13/VIII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VIII/2018 dao động phổ biến từ 263mm đến 489mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-51mm đến 220mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 37 đến 136mm, cao nhất là 171mm xảy ra ngày 17/VIII tại Lạng Sơn.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2018 tại trạm Phù Liễn

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 19 - 25 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VIII/2018 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-113 giờ đến -21 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 112 giờ đến 142 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2018 ở các nơi dao động phổ biến từ 80 đến 94%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 2% đến 6%; giá trị

độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45% xảy ra vào ngày 11/VIII tại Lục Ngạn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 42mm đến 71mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa - 432mm đến -146mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3- 4mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 15 – 24 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 3 ngày với cường độ nhẹ.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,1⁰C đến 29,1⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -0,4⁰C đến 0,9⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ

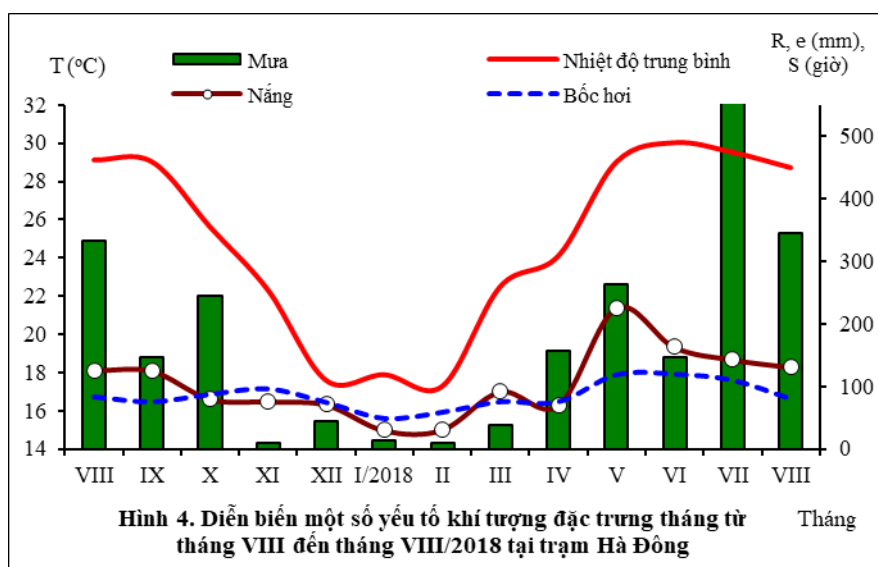
không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,6⁰C đến 33,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,4⁰C xảy ra vào ngày 11/VIII tại Nam Định;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 25,6⁰C đến 26,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,2⁰C xảy ra vào ngày 12/VIII tại Văn Lý. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -53mm đến 247mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 289mm đến 599mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 45 đến 151mm, cao nhất là 191mm xảy ra ngày 30/VIII tại Sơn Tây. Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 17 đến 23



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2018 tại trạm Hà Đông

ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2018 ở các nơi trong vùng dao động từ 98 giờ đến 147 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -76 giờ đến -33 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 80% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-6% đến 5%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25% xảy ra vào ngày 2/VIII tại Ninh Bình.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 45mm đến 80mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -544mm đến -235mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây không nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 3 với cường độ nhẹ.
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 11 đến 23 ngày.

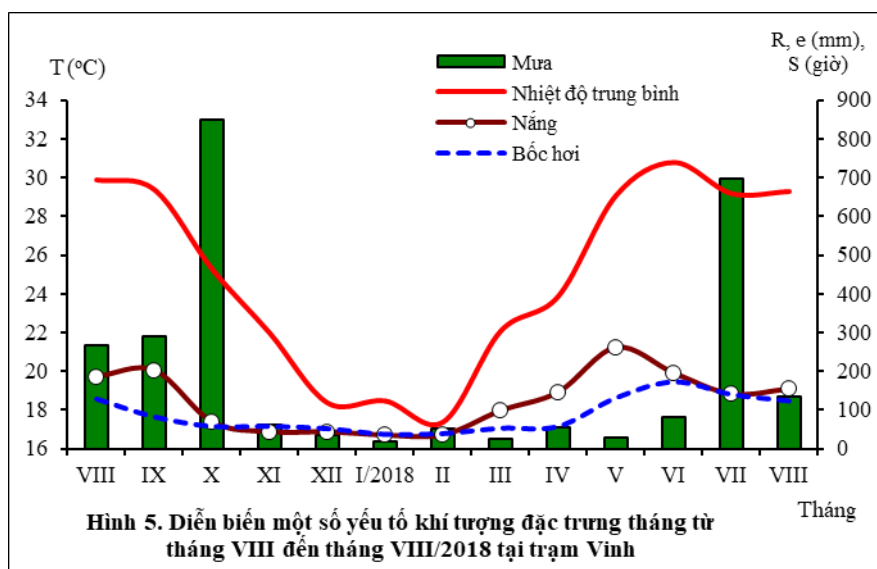
5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3°C đến 0,9°C (hình 10) và có giá trị từ 27,3°C đến 29,6°C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,2°C đến 33,9°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,1°C xảy ra vào ngày 21/VIII tại Con Cuông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,5°C đến 27,3°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,2°C xảy ra vào ngày 30/VIII tại Quỳnh Hợp.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2018 tại trạm Vinh

Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2018, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 105mm đến 586mm, thấp nhất là 56mm xảy ra tại Kỳ Anh và 70mm tại Hương Khê. Tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -185mm đến 309mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 22 đến 202mm, cao nhất là 225mm xảy ra vào ngày 17/VIII tại Tây Hiếu.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 - 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 12 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 9 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 107 đến 177 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -53 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 73% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -5% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 43% xảy ra vào ngày 2/VIII tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 40mm đến 143mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 8mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-538mm đến -12mm), ngoại trừ Kỳ Anh có lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa 87mm.

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 10 ngày trong đó có 1 ngày có cường độ mạnh xảy ra tại Kỳ Anh.

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 5 – 20 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2018 từ 24,8⁰C đến 30,1⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,3⁰C đến 1,3⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

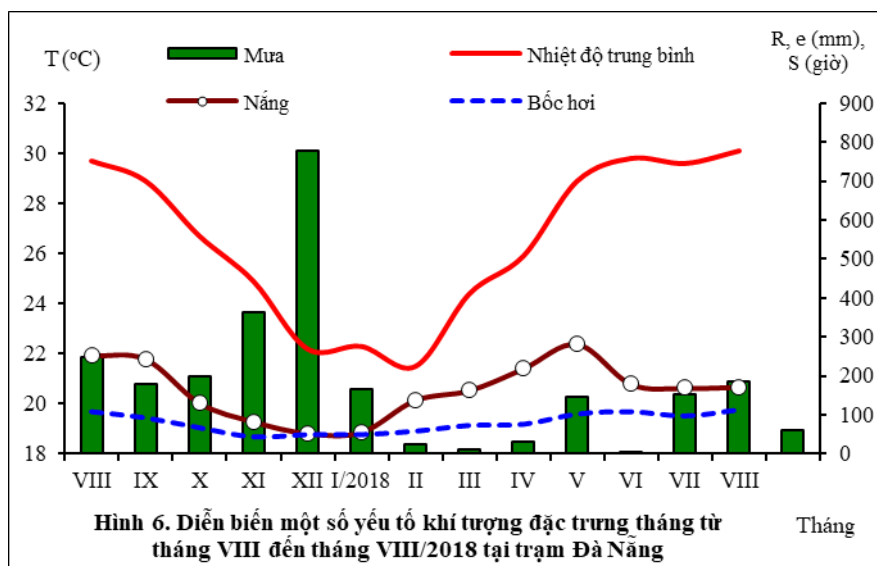
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 27,8⁰C đến 35,3⁰C, giá

trị nhiệt độ cao nhất là 38,7⁰C xảy ra vào ngày 21/VIII tại Tam Kỳ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,4⁰C đến 27,2⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 19,9⁰C xảy ra vào ngày 6/VIII tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng VIII/2018 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -151mm đến 91mm. Lượng mưa ở Trung Trung Bộ dao động từ 23 – 107mm, cao nhất là 395mm tại Khe Sanh.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2018 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 6 mm đến 55mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 đến 25 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 89 giờ đến 181 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-71 giờ đến -12 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 72% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 8%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 31/VIII tại Ba Tơ, Đà Nẵng.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 58mm đến 172mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (10mm đến 125mm) ngoại trừ Khe Sanh có lượng bốc hơi thấp hơn lượng mưa -337mm.

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 9 ngày.

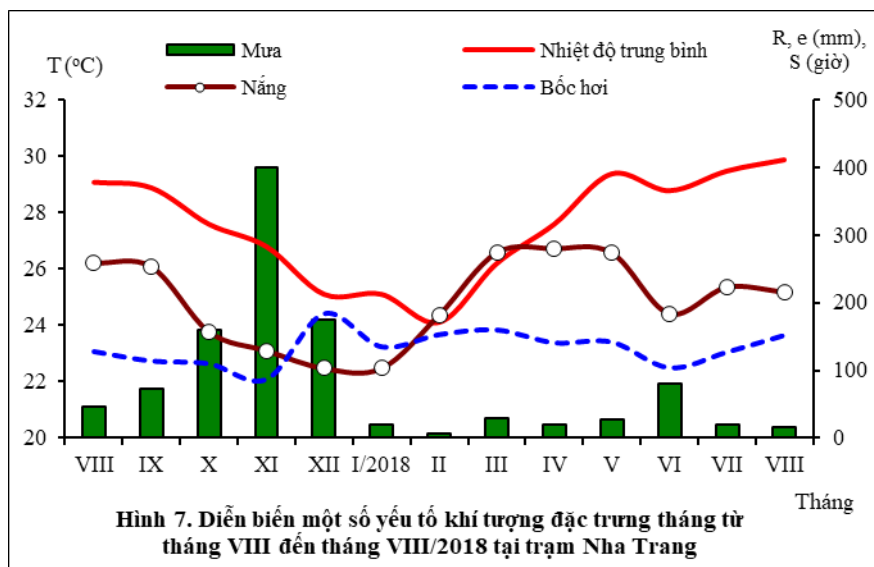
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 14 ngày trong đó có 1

- 2 ngày có cường độ mạnh.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2018 từ 27,2⁰C đến 30,6⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,2⁰C đến 1,7⁰C (hình 10).



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2018 tại trạm Nha Trang

- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình tháng từ 31,4⁰C đến 35,0⁰C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,1⁰C xảy ra vào ngày 31/VIII tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,0⁰C đến 28,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,5⁰C, xảy ra vào ngày 13/VIII tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2018, ở hầu hết các khu vực lượng mưa dao động từ 16mm đến 71mm, cao nhất là 204mm xảy ra tại Phan Thiết. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -34mm đến 28mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng theo thời gian tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5mm đến 43mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 9 đến 25 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 16 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 2 đến 10 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2018 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 172 giờ đến 218 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-48 giờ đến -10 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 66% đến 83%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -7% đến -2%, (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 40% xảy ra vào ngày 16/VIII tại Nha Trang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 90mm đến 185mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-114mm đến 136mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 5 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 16 ngày trong đó có 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

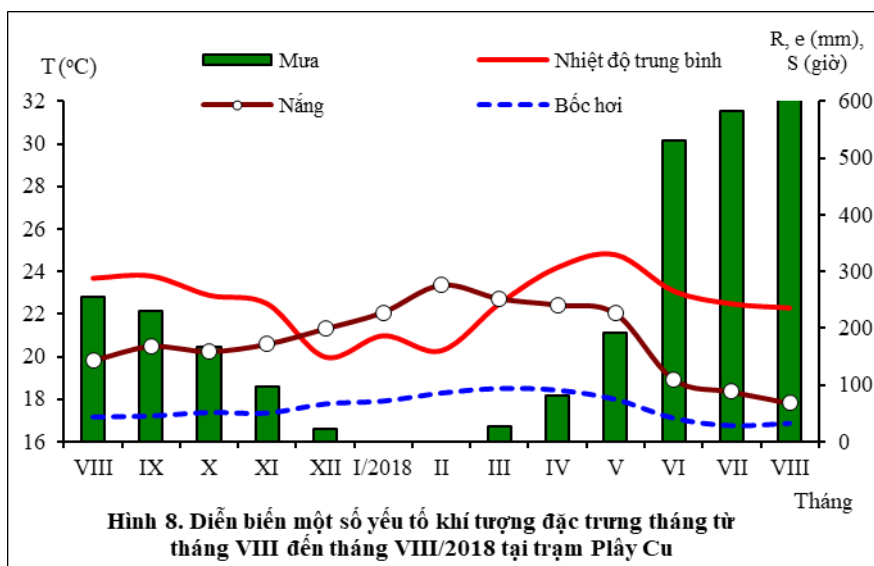
Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2018 từ 18,6⁰C đến 26,8⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3⁰C đến 0,6⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,0⁰C đến 31,3⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,0⁰C xảy ra vào ngày 1/VIII tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,1 đến 24,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,0⁰C xảy ra vào ngày 29/VIII tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2018 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 127 đến 652mm, thấp nhất là 38mm tại M'Drack. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -146mm đến 178mm).



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2018 tại trạm Plây Cu

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 11mm đến 88mm, cao nhất là 103mm xảy ra ngày 7/VIII tại Đắc Tô. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 17 đến 30 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 30 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng theo thời gian tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2018 phổ biến từ 60 giờ đến 179 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-59 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13), có giá trị phổ biến từ 71% đến 93%; độ ẩm không khí thấp nhất là 49% xảy ra vào ngày 23/VIII tại M'Drak.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 25mm đến 165mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa từ -620mm đến -215mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

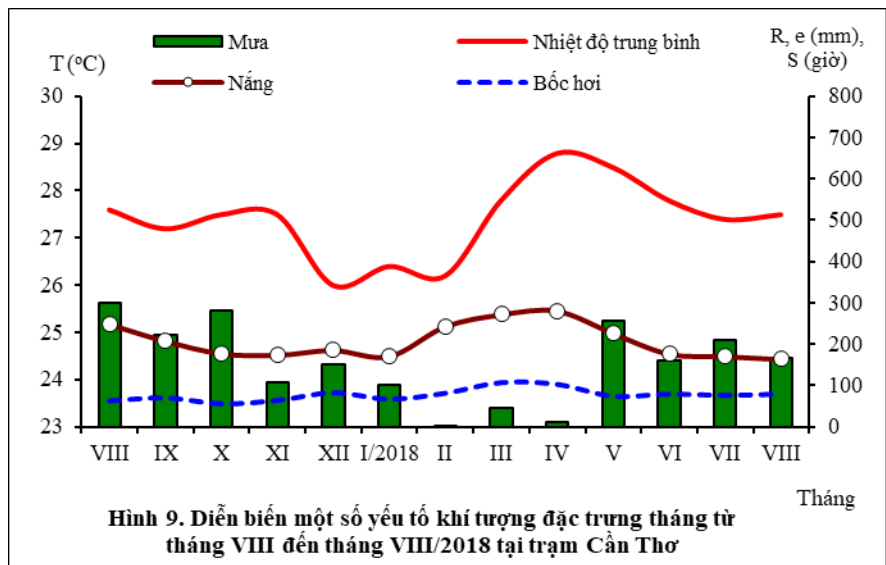
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 11 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2018 từ 25,9⁰C đến 28,4⁰C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3⁰C đến 1,3⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2018 tại trạm Cần Thơ

trung bình tháng từ 30,1⁰C đến 33,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,5⁰C xảy ra vào ngày 31/VIII tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,4⁰C đến 25,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,0⁰C xảy ra vào ngày 30/VIII tại Trị An.

Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng theo thời gian tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2018 dao động phổ biến từ 151mm đến 545mm. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-59mm đến 81mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 24mm đến 106mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 18 đến 29 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 29 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2018 phổ biến từ 103 giờ đến 189 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-94 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 3% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45% xảy ra vào ngày 2/VIII tại Mộc Hóa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 49mm đến 97mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-269mm đến -68mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 3 - 16 ngày.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện 2 ngày tại Tân Sơn Nhất với cường độ nhẹ.

V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2018

Tháng VIII/2018 điều kiện khí tượng nông nghiệp ở hầu hết các vùng trong cả nước tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Hầu hết các yếu tố khí tượng nông nghiệp ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN một ít, lượng mưa lớn, số ngày mưa nhiều, phân bố đều trong tháng, kết hợp với nền nhiệt và số giờ nắng khá, gió tây khô nóng giảm hẳn so với các tháng trước tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và phát triển thuận lợi.

Trong tháng các địa phương Miền Bắc tiếp tục hoàn thành kế hoạch gieo trồng lúa mùa, tập trung làm cỏ, bón phân, tưới dưỡng cho lúa, phòng trừ sâu

bệnh bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ hè thu - thu đông đồng thời tranh thủ gieo cấy các loại cây rau màu đang còn thời vụ, các tỉnh trung du và miền núi, Bắc Trung Bộ, đồng bằng Bắc Bộ tập trung khắc phục hậu quả của các trận mưa lớn do bão số 3 và 4 gây ra.

Đặc điểm nổi bật trong tháng VIII là tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, mưa lũ lớn trên diện rộng ở Bắc bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, tố lốc xảy ra ở nhiều nơi, bão số 4 và hoàn lưu bão ảnh hưởng trực tiếp khu vực ven biển các tỉnh Thái Bình đến Nghệ An, lũ quét xảy ra ở một số tỉnh miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ... đã tác động đến sản xuất và đời sống của người dân.

Ngoài ra, gió tây khô nóng phát triển mạnh ở khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ đang trong giai đoạn mùa khô nên xảy ra tình hình thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp.

Ảnh hưởng của bão số 4 (từ 16/8): ảnh hưởng từ Thái Bình đến Nghệ An, cụ thể:

- Tại Nghệ An: Ngành nông, lâm nghiệp cũng bị thiệt hại nặng nề do mưa lũ gây ra khi hơn 5.600 ha lúa, 2.115 ha ngô, rau màu, hơn 1.800 ha cây trồng hàng năng bị ngập. Hơn 33.000 con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi. Hơn 597 ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập.

- Tại Thanh Hóa: 1.278ha lúa bị ngập, 6ha lúa bị vùi lấp và 378ha rau màu, hoa màu, 133ha diện tích cây công nghiệp bị ngập, 124,5ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị tràn...

- Tại Yên Bái: ảnh hưởng gần 6ha lúa

- Tại huyện Đà Bắc – Hòa Bình: 16ha lúa bị cuốn trôi

- Tại Kon Tum: gần 21ha lúa và hoa màu của người dân trên địa bàn huyện Đăk Tô đã bị ngập và cuốn trôi.

1. Đối với cây lúa

- *Lúa mùa*: Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo cấy được 1.326,1 nghìn ha lúa Mùa, bằng 97,5% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.112,8 nghìn ha, bằng 98,1%, các địa phương phía Nam gieo cấy 213,3 nghìn ha, bằng 94,3%. Tiến độ gieo trồng lúa Mùa tại các địa phương phía Bắc chậm hơn cùng kỳ do thời tiết có diễn biến phức tạp. Đầu vụ gieo trồng nắng nóng kéo dài, nhất là đợt nắng nóng đầu tháng 7, nhiệt độ luôn ở mức 38-40°C, gây nhiều khó khăn cho việc gieo cấy, một số diện tích lúa, màu bị hạn không gieo cấy được. Tiếp đến là ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới và bão số 3

gây mưa lớn nhiều ngày từ trung tuần tháng 7, làm ngập úng, thiệt hại nhiều diện tích cây hàng năm mới gieo trồng trong vụ. Đến cuối tháng, các địa phương đã bơm tiêu úng cứu lúa, đồng thời chủ động khắc phục nhanh hậu quả của mưa bão. Hiện những diện tích lúa Mùa không bị ảnh hưởng mưa lũ đang sinh trưởng, phát triển tốt.

- *Lúa hè thu*: Tính đến cuối tháng, cả nước gieo cấy được 2.044,5 nghìn ha lúa Hè thu, bằng 97,3% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 166,7 nghìn ha, bằng 97,7%; các địa phương phía Nam đạt 1.877,8 nghìn ha, bằng 97,3%. Hiện nay các địa phương phía nam, lúa Hè thu sớm đã cho thu hoạch 961,9 nghìn ha, bằng 88,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 883 nghìn ha, bằng 86%. Tiến độ gieo trồng và thu hoạch lúa Hè thu chậm so thời điểm cùng kỳ năm trước, chủ yếu do ảnh hưởng tiến độ gieo trồng và thu hoạch vụ Đông xuân. Năng suất lúa Hè thu ước đạt 54,5 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 11,2 triệu tấn, giảm 23,0 nghìn tấn. Như vậy, tuy năng suất có tăng so với vụ Hè thu năm trước, nhưng ước tính sản lượng chung toàn vụ vẫn giảm do diện tích giảm. Diện tích lúa Hè thu giảm chủ yếu do nắng hạn đầu vụ xảy ra ở Ninh Thuận, Bình Thuận, nhiều diện tích không chủ động được nguồn nước nên chuyển sang trồng rau đậu. Do ảnh hưởng của cơn bão số 3 gây ngập úng ở một số tỉnh Bắc Trung bộ. Một số địa phương có diện tích lúa hè thu giảm nhiều là: Ninh Thuận giảm 2,6 nghìn ha, Bình Thuận giảm 1,3 nghìn ha, Hà Tĩnh giảm 1,8 nghìn ha; Nghệ An giảm 0,7 nghìn ha, ...

- *Lúa Thu đông*: Vụ Thu đông năm nay gieo sạ chậm hơn cùng kỳ năm trước, tính đến cuối tháng 8, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống 413,3 nghìn ha, bằng 88,6% so cùng kỳ. Hiện lúa Thu đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng; sinh trưởng và phát triển khá.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài việc tập trung chăm sóc, thu hoạch lúa đông xuân và gieo cấy lúa hè thu, các địa phương trên cả nước còn đẩy mạnh gieo trồng các loại cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Nhìn chung các cây màu gặp thời tiết thuận lợi, sinh trưởng và phát triển tốt.

Tính đến cuối tháng 8, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 941,0 nghìn ha ngô, bằng 96,0% cùng kỳ năm trước; 102.0 nghìn ha khoai lang,

bằng 92,2%; 176.3 nghìn ha lạc, bằng 96,9%; 53.2 nghìn ha đậu tương, bằng 83,1%; 901,8 nghìn ha rau, đậu, bằng 105.4%.

Ở Mộc Châu, Ba Vì, Phú Hộ chè trong giai đoạn nảy chồi, lá thật 1 trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá.

Ở Bắc Trung Bộ lạc trong giai đoạn hình thành củ, đậu tương ra quả, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VIII/2018

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật thứ nhất	Khá	ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa trở bông	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa trở bông, ngâm sữa	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè đẻ nhánh, mọc dón	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	4cm	
7		Bắc Giang	Lúa mùa mọc dón	Tốt	3cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
9		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
10	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa mọc dón	TB	3cm	
11		Hoài Đức	Cam ra lá mới	TB	Quá ẩm	
12			Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	
13		Hải Dương	Lúa mùa mọc dón, đẻ nhánh	Khá	3cm	
14		Hưng Yên	Lúa mùa mọc dón	Khá	3cm	
15		Nam Định	Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	

15		Ninh Bình	Lúa mùa mọc dón	TB	Quá ảm	
17		Thái Bình	Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	
18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Đậu tương nở hoa	TB	TB	
19			Lạc nở hoa	TB	TB	
20		Thanh Hoá	Lúa mùa mọc dón	TB	4cm	
21		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu chắc xanh	TB	3cm	
22		Đô Lương	Lúa hè thu ngâm sữa	TB	3cm	
23	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu thu hoạch			
24	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu chắc xanh	Khá	4cm	
25		An Nhơn	Lúa hè thu thu hoạch			
26	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	TB	
27	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	ảm	
28		Trà Nóc	Lúa hè thu đẻ nhánh	Khá	3cm	
29		Mỹ Tho	Lúa hè thu thu hoạch			
30		Bạc Liêu	Lúa hè thu chín hoàn toàn	Khá	Quá ảm	Chuột rất nhẹ <10%

3. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo vệ thực vật tình hình sinh vật gây hại cây lúa trong tháng 8 diễn ra như sau:

- *Rầy hại lúa*: Diện tích nhiễm 13.721 ha, nhiễm nặng 255 ha, mất trắng (cháy rầy) 17 ha (Nghệ An). Phân bố ở các tỉnh trong cả nước.
- *Bệnh VL, LXL*: diện tích nhiễm 2.148 ha, nhiễm nặng 169 ha. Bệnh xuất hiện và gây hại tại các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang.
- *Bệnh lùn sọc đen*: Diện tích nhiễm 252,2 ha, nhiễm nặng 48,5 ha. Phân bố tại Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Bình, Ninh Bình, Bắc Cạn, Hải Phòng, Thái Bình, Hòa Bình...
- *Bệnh đạo ôn*:

- + *Bệnh đạo ôn hại lá*: Diện tích nhiễm 10.894 ha, nhiễm nặng 65 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Nam bộ và Bắc bộ.
- + *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 3.799 ha, nhiễm nặng 02 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Hậu Giang, Trà Vinh, Tây Ninh, Long An...
- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm 17.990 ha, nhiễm nặng 607 ha, phòng trừ 16.092 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.
- *Bệnh bạc lá*: Diện tích nhiễm 19.216 ha, nhiễm nặng 399 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam Bộ.
- *Bệnh khô vằn*: Diện tích nhiễm 51.880 ha, nhiễm nặng 3.377 ha, phòng trừ 20.705 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ.
- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 14.212 ha, nhiễm nặng 708 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Nam bộ.
- *Chuột*: Diện tích hại 14.798 ha, nặng 720 ha. Phân bố ở hầu hết các tỉnh trong cả nước.
- *Ốc bươu vàng*: Diện tích hại 5.847 ha, nhiễm nặng 198 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.

Các đối tượng sinh vật khác gây hại nhẹ như: Sâu năn (580 ha, nhiễm nặng 170 ha), sâu đục thân (1.479 ha, nhiễm nặng 05 ha), Bọ trĩ (293 ha), nhện gié (2.421 ha, nhiễm nặng 05 ha), bệnh đốm sọc vi khuẩn (1.033 ha), bệnh vàng lá sinh lý (1.297 ha), bệnh vàng lá di động (29 ha, nhiễm nặng 02 ha), ...

V. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IX-XI NĂM 2018

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ 3 tháng VIII - IX năm 2018 có khả năng từ xấp xỉ đến lớn hơn TBNN trên hầu hết diện tích cả nước, với xác suất 55 đến trên 77%. Chuẩn sai NĐTB mùa được dự báo phổ biến từ 0 đến trên 1,5°C

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa tháng VIII - IX năm 2018 có khả năng từ xấp xỉ đến lớn hơn TBNN ở đa phần diện tích cả nước, đặc biệt là khu vực Trung Trung Bộ, với với xác suất 44 đến trên 77%. TLM mùa có khả năng thấp hơn TBNN ở khu vực Tây Bắc-Việt Bắc, Bắc Trung Bộ, một phần khu vực Nam Trung Bộ và khu vực trung tâm Tây Nguyên. Chuẩn sai TLM mùa được dự báo phổ biến từ -200 đến trên 600mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Xoáy thuận nhiệt đới: Nhiều khả năng, số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta có thể ở mức xấp xỉ TBNN. Có khoảng từ 5 đến 6 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông. Trong đó, có khoảng từ 3 đến 4 cơn ảnh hưởng đến đất liền nước ta. Tuy nhiên, XTNĐ được nhận định tập trung hoạt động vào thời kỳ từ tháng VIII đến tháng IX và khu vực chịu ảnh hưởng chủ yếu là phía Bắc (từ Trung Trung Bộ trở ra).

Hoạt động của gió mùa: Gió mùa mùa hè có khả năng kết thúc vào cuối tháng IX. Gió mùa mùa đông hoạt động yếu hơn TBNN.

Không khí lạnh: Số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN. Tuy nhiên, cường độ của KKL có khả năng ở mức yếu hơn TBNN.

Mưa lớn: Các đợt mưa lớn tập trung xảy ra trong khoảng thời gian từ tháng IX đến tháng XI. Trong đó, mưa lớn ở Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ chủ yếu xảy ra vào khoảng tháng IX-X; tập trung từ tháng IX đến tháng XI ở khu vực khu vực Trung Bộ, đặc biệt là khu vực Trung Trung Bộ

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VIII và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng IX, X và XI/2018 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tập trung khắc phục hậu quả cơn bão số 4
- Trong những tháng tiếp theo, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có biện pháp đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.
- Do điều kiện khí tượng nông nghiệp thuận lợi cho sâu bệnh (lùn sọc đen, rầy nâu, bệnh đạo ôn...) phát triển, gây hại nhiều diện tích lúa mùa sớm, các địa phương trong vùng cần có các biện pháp phòng chống sự phát triển và lây lan của sâu bệnh hại lúa và các loại rau màu.

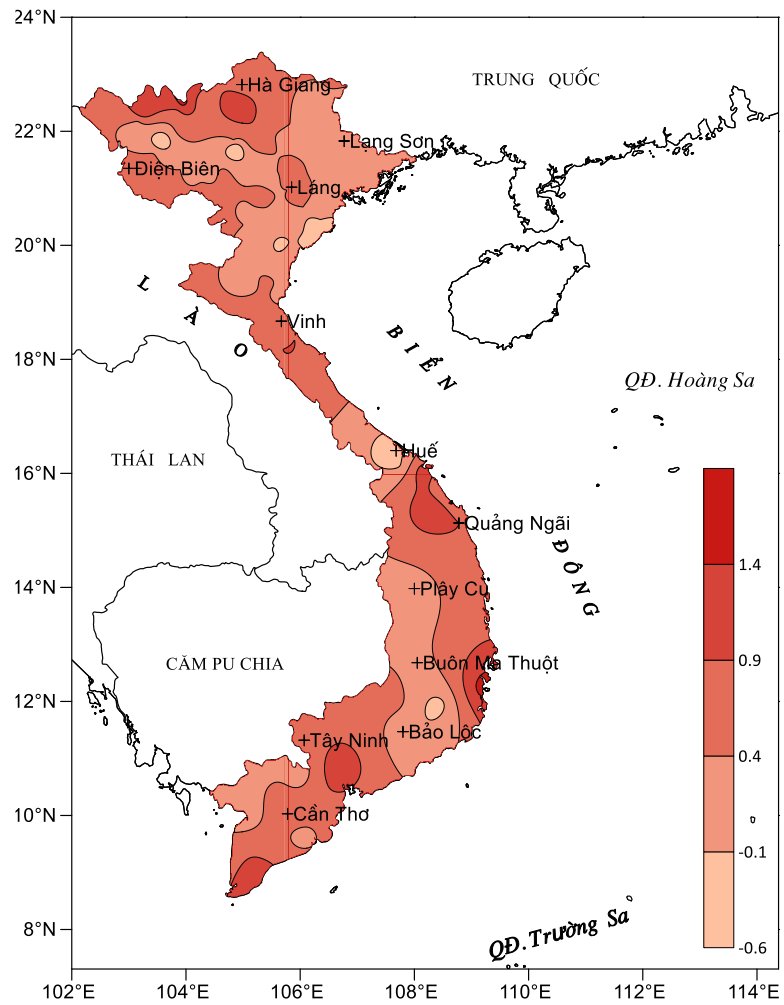
2. Miền Nam

- Thu hoạch xong lúa hè thu muộn;
- Tăng cường các biện pháp chống úng;

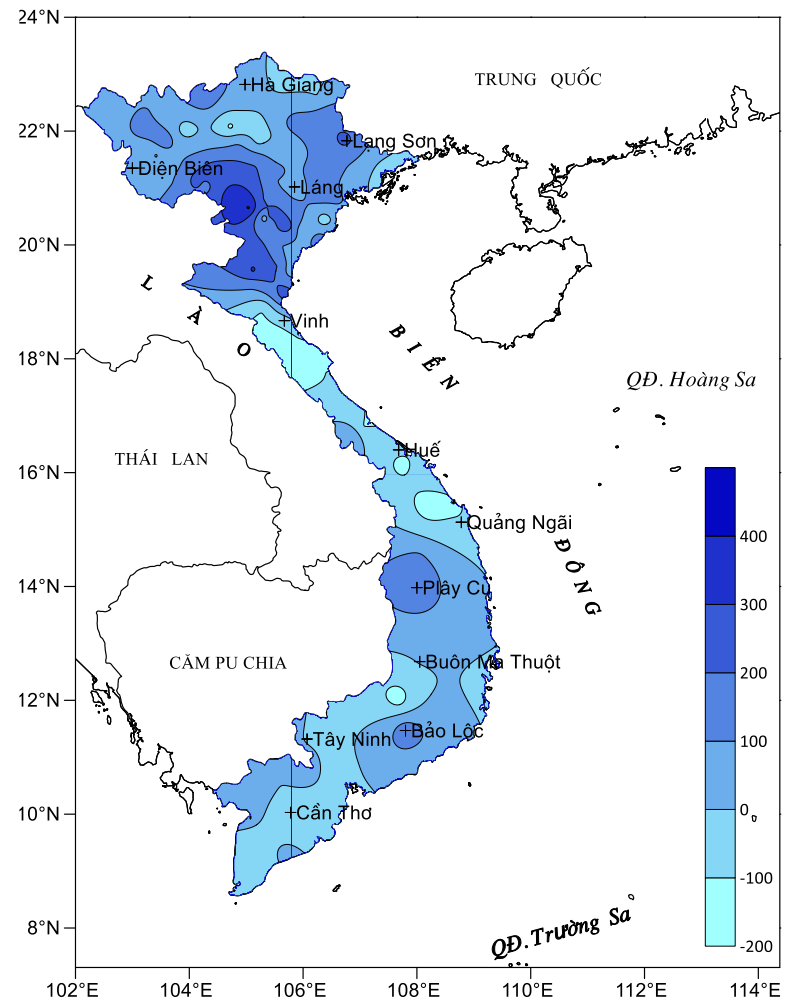
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là đạo ôn, bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá ở Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

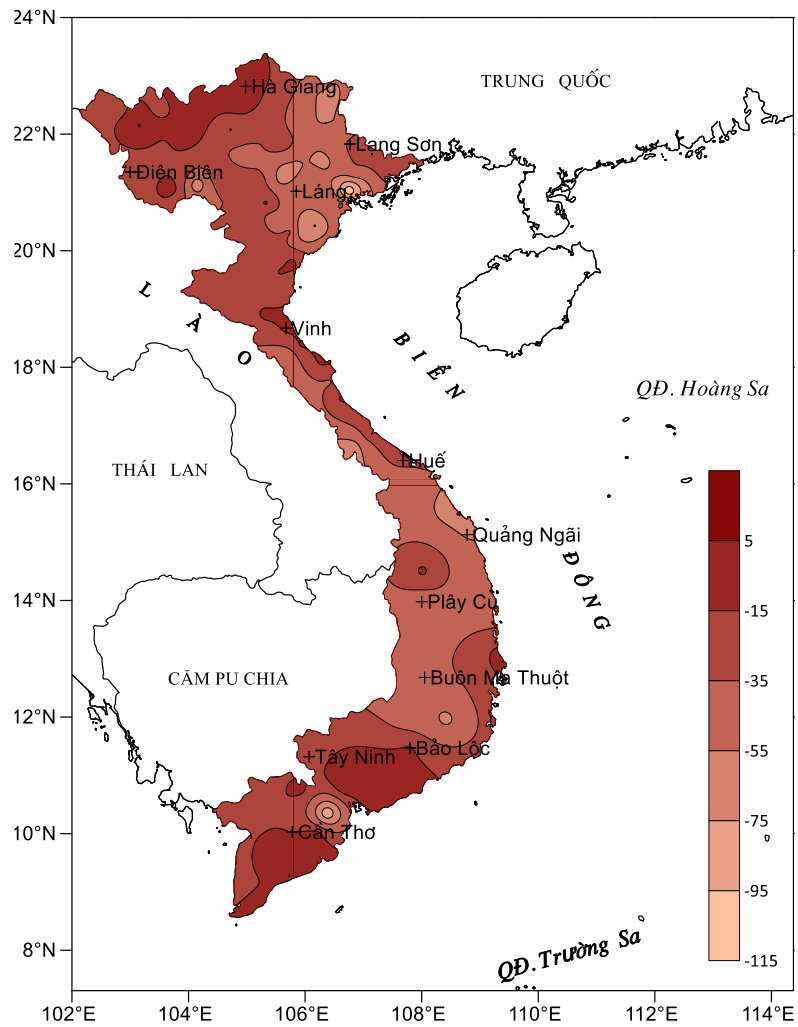
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IX, X, XI năm 2018;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng IX năm 2018 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VIII năm 2018 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



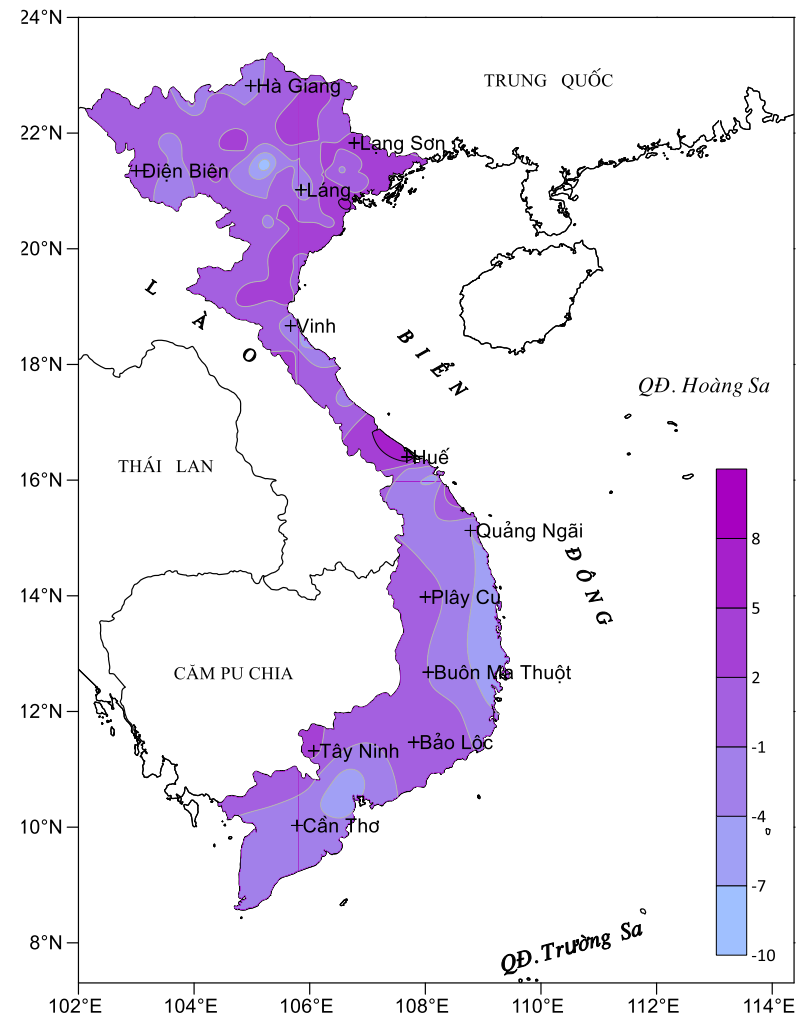
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VIII/2018 so với TBN (°C)



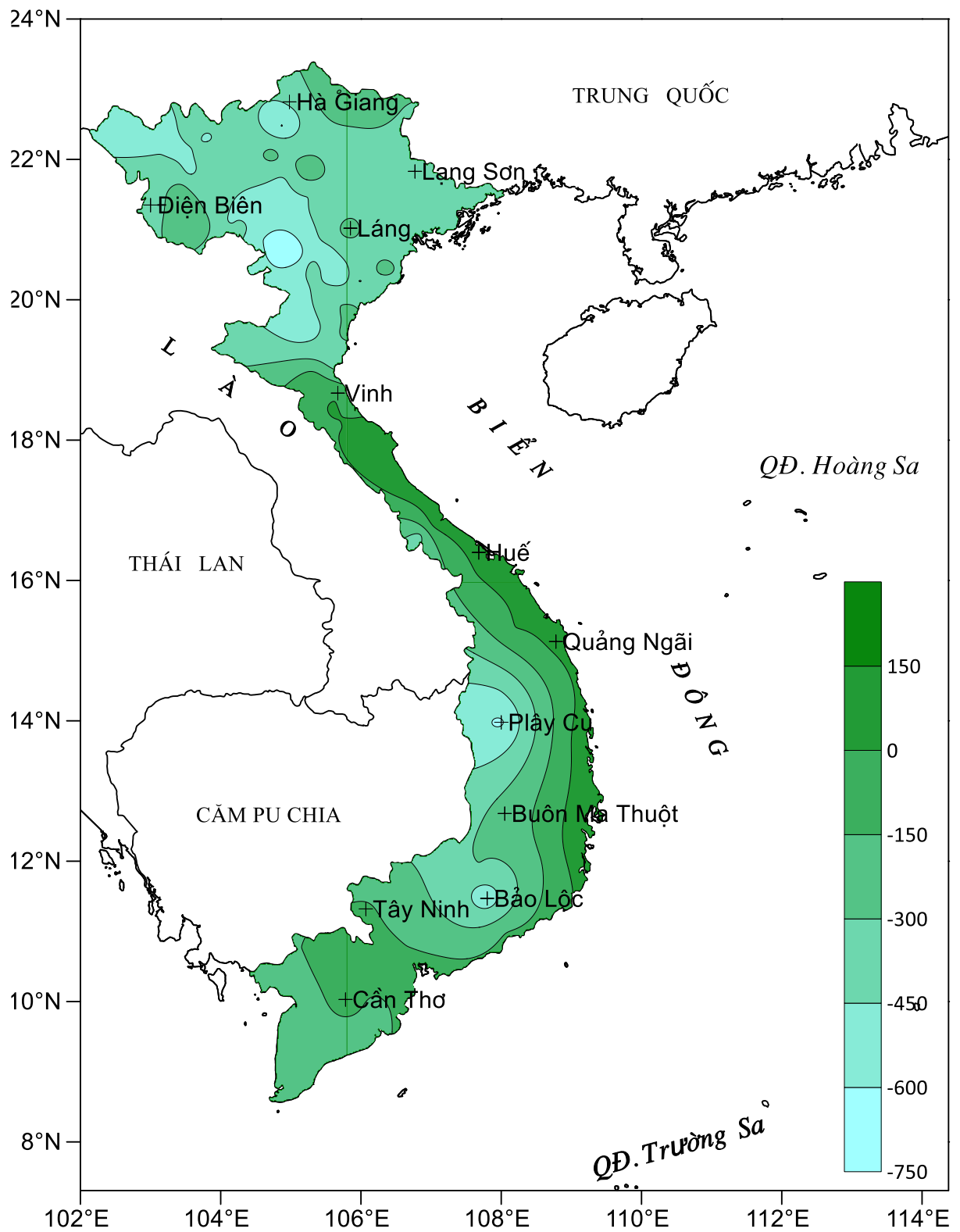
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VIII/2018 so với TBN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VIII/2018 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VIII/2018 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VIII/2018 (mm)